

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Kha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đẩu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/4/2010)
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/5/2010)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010

0301

ĐNG

HIỆM H

LOIT

ET NA

ĐA - T

Số: 70. /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Đặng Chí Đăng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 8 năm 2010  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Ngô Trung Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.056.605.980.216</b>	<b>594.441.949.595</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>97.103.422.687</b>	<b>34.431.376.854</b>
1. Tiền	111		2.103.422.687	34.431.376.854
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>715.763.212.198</b>	<b>385.544.440.167</b>
1. Phải thu khách hàng	131		130.500.882.169	167.939.698.111
2. Trả trước cho người bán	132		73.126.660.816	16.815.086.044
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	513.093.882.633	202.363.637.943
4. Các khoản phải thu khác	135		1.075.251.646	599.483.135
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.033.465.066)	(2.173.465.066)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>205.942.996.815</b>	<b>168.484.670.262</b>
1. Hàng tồn kho	141		205.942.996.815	168.484.670.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>8</b>	<b>37.796.348.516</b>	<b>5.981.462.312</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.780.548.556	2.691.968.509
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.497.676.292	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.518.123.668	3.289.493.803
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>117.380.055.037</b>	<b>48.576.768.243</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>86.956.598.603</b>	<b>31.929.262.132</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	43.621.288.897	31.929.262.132
- Nguyên giá	222		82.290.981.247	74.210.350.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.669.692.350)	(42.281.088.091)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	43.335.309.706	-
- Nguyên giá	228		43.536.700.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.390.294)	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.423.456.434</b>	<b>6.647.506.111</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.423.456.434	6.647.506.111
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.173.986.035.253</b>	<b>643.018.717.838</b>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>841.013.475.570</b>	<b>590.489.871.367</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>835.486.623.738</b>	<b>583.034.231.900</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	65.399.250.000	30.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		312.550.338.343	193.426.401.183
3. Người mua trả tiền trước	313		376.251.859.497	231.071.825.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.906.384.172	16.752.633.458
5. Phải trả người lao động	315		15.005.440.276	11.513.250.277
6. Chi phí phải trả	316	15	56.518.506.254	23.248.291.973
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	2.822.345.196	78.616.272.194
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		32.500.000	(1.594.442.255)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.526.851.832</b>	<b>7.455.639.467</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		321.231.042	328.153.542
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		5.205.620.790	7.127.485.925
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>332.972.559.683</b>	<b>52.528.846.471</b>
(400 = 410)				
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>332.972.559.683</b>	<b>52.528.846.471</b>
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.972.559.683	2.528.846.471
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.173.986.035.253</b>	<b>643.018.717.838</b>



Hồ Sỹ Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010


MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ
			ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	810.720.552.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		810.720.552.043
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	747.866.745.785
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		62.853.806.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.958.995.334
7. Chi phí tài chính	22	21	4.916.432.289
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.916.432.289
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.832.450.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		35.063.919.002
11. Thu nhập khác	31		8.157.029.421
12. Chi phí khác	32		3.191.296.689
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.965.732.732
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.029.651.734
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	10.007.412.934
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		30.022.238.800
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.340



Hồ Sỹ Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010

  
Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.029.651.734
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.425.695.371
- Các khoản dự phòng	03	(140.000.000)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.813.044.865)
- Chi phí lãi vay	06	4.916.432.289
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	41.418.734.529
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(367.890.540.342)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(37.458.326.553)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	248.655.635.501
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(13.692.612.205)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.115.206.809)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.171.924.918)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(137.254.240.797)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(258.616.183)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.868.181.819
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.175.703.734
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>5.785.269.370</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	158.741.767.260
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113.299.250.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(77.900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>194.141.017.260</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>62.672.045.833</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	34.431.376.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	97.103.422.687



Hồ Sỹ Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí theo Quyết định số 964/QĐ-XLTK ngày 16/11/2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500832971 ngày 26/11/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2010 là 822 người (tại ngày 31/12/2009 là 721 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc kỳ kế toán không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.*

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)**

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC không làm ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế của Công ty so với khi áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, tại thời điểm 30/6/2010, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

T. T. H. H. H. H.  
M. O. I.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	<b>Số năm (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận theo giá trị sản lượng hoàn thành. Chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng và giá trị dở dang cuối kỳ theo dự toán. Phần công việc phát sinh thêm, các khoản bồi thường và các khoản tiền thưởng được ghi nhận theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 30/6/2010, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

UOV  
C  
RACI  
DI  
V  
ING

10/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	123.946.041	1.385.325.908
Tiền gửi ngân hàng	1.979.476.646	33.046.050.946
Các khoản tương đương tiền (i)	95.000.000.000	-
	<u>97.103.422.687</u>	<u>34.431.376.854</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam với lãi suất từ 10,5% đến 11,2%/năm.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.189.645.179	22.337.867.152
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.753.351.636	146.146.803.110
	<u>205.942.996.815</u>	<u>168.484.670.262</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể được thực hiện của hàng tồn kho	<u>205.942.996.815</u>	<u>168.484.670.262</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công trình- Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	10.585.691.630	10.585.691.630
Công trình- Kho xăng dầu Cù Lao Tào	4.947.137.640	13.035.101.085
Công trình- Khu nhà ở và biệt thự, Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch	9.801.609.216	9.801.609.216
Công trình- Trạm tiếp bờ PM3 Khí điện đạm Cà Mau	-	-
Công trình- Civil Work, Mương, Đường Nhà máy lọc dầu Dung Quất	2.642.244.374	11.843.762.959
Công trình- Nhà làm việc bộ máy điều hành - VSP	31.885.346.582	-
Công trình- Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.472.264.075	3.472.264.075
Công trình- Đường sang Đảo Gò Găng	387.583.813	-
Công trình- Nhà 34 tầng Tập thể Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	2.936.693.179	2.564.454.547
Công trình- Trạm Phân phối khí Hiệp Phước	5.586.108.936	5.586.108.936
Công trình- Nhà Văn phòng 9 tầng Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	8.837.340.964	8.862.881.600
Công trình- Trạm chiết nạp LPG Tiền Giang	-	400.182.727
Công trình- San nền giai đoạn 1 khu A, khu nhà ở Dầu khí Tân Thành	362.015.513	362.015.513
Công trình- Đồ bệ tổng Bãi thuộc Trạm lọc nước - VSP	5.205.623.949	-
Công trình- Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	-	7.340.909.091
Công trình- Cao ốc Văn phòng số 43 Mạc Đĩnh Chi Quận 1 -TPHCM	59.507.475.471	-
Công trình- Xưởng Sửa chữa, bảo dưỡng Khu Công nghiệp Đồng Xuyên - PV Gas	5.912.666.756	-
Công trình- Xưởng chế tạo Panel số 1 (XL IA) PV Shipyard	526.398.280	526.398.280
Công trình- Bãi tập kết PT, Bãi công nghệ (Gói XL 4)	83.121.536	11.454.285.570
Công trình- Cầu cảng và nạo vét Giai đoạn 1 PV Shipyard (XL9)	53.115.038.215	54.253.154.365
Công trình- Hệ thống đường, bãi và thoát nước (Gói XL10)	181.181.146	33.225.520.629
Công trình- Đường số 9 kho cảng LPG Thị Vải	1.875.301.167	-
Công trình- Các phân xưởng và nhà kho PV Shipyard (XL1)	24.387.827.091	24.387.827.091
Công trình- Nhà làm việc Xí nghiệp Xây lắp và Xí nghiệp Dịch vụ VSP	-	-
Công trình- Sửa chữa khu 5 tầng tiểu khu I&2 VSP	47.520.000	-
Công trình- Chung cư số 2 Nguyễn Hữu Cảnh	-	-
Công trình- Cao ốc Dragon Tower Phú Mỹ Hưng	66.721.053.442	-
Công trình- Sửa chữa, Cải tạo Khách sạn Đà Lạt - VSP	19.841.682.255	-
Công trình- Tượng đài Sân bay Cam Ranh Khánh Hòa	1.254.856.463	1.254.856.463
Công trình- Bê tông hóa Bãi căn cứ Tổng hợp - VSP	4.526.773.180	-
Công trình- Đường trượt và bãi đầu lắp PV Shipyard (XL8)	21.721.484.460	-
Công trình- Gói thầu Xây lắp số 2 PV Shipyard (XL2)	30.395.894.941	-
Công trình- Khu nhà Mở rộng Trung tâm y tế - VSP	19.274.589.395	-
Công trình- San lấp Mặt bằng 23ha khu Sao Mai Bến Đình	71.724.704.812	-
Công trình- Nhà xưởng Cơ khí Bảo dưỡng tại 46,7 ha	10.661.489.284	-
Công trình- Nhà trẻ, mẫu giáo Trà My	5.454.545.455	-
Công trình- PetroVietnam Landmark TPHCM	23.181.818.182	-
Công trình- Phần móng nhà Văn phòng OF-01	6.048.801.231	-
Công trình- Kho chứa LPG Gò Dầu, Đồng Nai	-	3.067.037.802
Công trình- Kho trung chuyển Đạm Cần Thơ	-	339.576.364
	513.093.882.633	202.363.637.943

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN NGẪN HẠN KHÁC**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	5.518.123.668	3.289.493.803
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.780.548.556	2.691.968.509
Thuế GTGT được khấu trừ	29.497.676.292	-
	<b>37.796.348.516</b>	<b>5.981.462.312</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	3.916.993.266	49.885.756.991	11.689.316.086	8.718.283.880	74.210.350.223
Tăng trong kỳ	2.080.341.699	10.488.255.584	1.516.119.755	1.009.516.835	15.094.233.873
- Mua sắm mới	181.894.158	10.473.969.868	-	1.009.516.835	11.665.380.861
- Đánh giá lại khi cổ phần hóa	1.898.447.541	14.285.716	1.516.119.755	-	3.428.853.012
Giảm trong kỳ	430.488.807	3.952.734.888	145.368.888	2.485.010.266	7.013.602.849
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.952.734.888	145.368.888	889.524.909	4.987.628.685
- Đánh giá lại khi cổ phần hóa	430.488.807	-	-	1.595.485.357	2.025.974.164
Tại ngày 30/06/2010	<b>5.566.846.158</b>	<b>56.421.277.687</b>	<b>13.060.066.953</b>	<b>7.242.790.449</b>	<b>82.290.981.247</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUỸ KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	2.590.805.528	23.148.019.620	11.689.316.086	4.852.946.857	42.281.088.091
Tăng trong kỳ	851.935.986	2.202.351.620	1.893.351.423	521.805.626	5.469.444.655
- Trích vào chi phí	182.832.326	2.202.351.620	317.315.505	521.805.626	3.224.305.077
- Đánh giá lại khi cổ phần hóa	669.103.660	-	1.576.035.918	-	2.245.139.578
Giảm trong kỳ	-	4.401.435.835	2.216.786.847	2.462.617.714	9.080.840.396
- Thanh lý nhượng bán	-	3.941.545.713	145.368.888	886.581.796	4.973.496.397
- Đánh giá lại khi cổ phần hóa	-	459.890.122	2.071.417.959	1.576.035.918	4.107.343.999
Tại ngày 30/06/2010	<b>3.442.741.514</b>	<b>20.948.935.405</b>	<b>11.365.880.662</b>	<b>2.912.134.769</b>	<b>38.669.692.350</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/06/2010	2.124.104.644	35.472.342.282	1.694.186.291	4.330.655.680	43.621.288.897
Tại ngày 31/12/2009	1.326.187.738	26.737.737.371	-	3.865.337.023	31.929.262.132

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2010	-
Tăng trong kỳ	43.536.700.000
- Đánh giá lại khi cổ phần hóa	43.536.700.000
	<b>43.536.700.000</b>
Tại ngày 30/06/2010	<b>43.536.700.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2010	-
Tăng trong kỳ	201.390.294
- Trích vào chi phí	201.390.294
	<b>201.390.294</b>
Tại ngày 30/06/2010	<b>201.390.294</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/06/2010	<b>43.335.309.706</b>
Tại ngày 31/12/2009	-

Tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ do đánh giá lại phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 28 tháng 01 năm 2010 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2009 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí) đối với 3 thửa đất: Thửa đất số 11 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu tương đương giá trị tăng thêm là 15.313.200.000 VND; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu tương đương giá trị tăng thêm là 24.211.800.000 VND; thửa đất số 108 tại số 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu tương đương giá trị tăng thêm là 4.011.700.000 VND.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	30/06/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
	-	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>10.000.000.000</b>

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh là giá trị vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (nay là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn) để đầu tư và khai thác dự án "Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Phát triển đô thị khu vực 2 và 3". Theo điều khoản của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/2008/HĐHTKD/PVC-MN; PVC-IC; PVC-CM ký ngày 27/11/2008 giữa 3 bên là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty sẽ góp vốn đầu tư với tỷ lệ 20% trên tổng giá trị hợp đồng là 206.500.000.000 VND, trong đó, giai đoạn I số tiền Công ty phải góp là 22.400.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Số dư đầu kỳ	6.647.506.111
Tăng trong kỳ	18.100.526.837
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(4.324.576.514)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.423.456.434</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	42.600.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	22.799.250.000	-
	<b>65.399.250.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

(i) Tổng Công ty Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27/2009/TDHM-NH/TD10 ngày 21 tháng 04 năm 2010 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu. Căn cứ vào hợp đồng này, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 584/QĐ-XLKD ngày 21 tháng 05 năm 2010 cho phép Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí sử dụng con dấu và chữ ký để làm thủ tục sử dụng hạn mức vay vốn ngắn hạn 90.000.000.000 VND và hạn mức bảo lãnh là 80.000.000.000 VND.

(ii) Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí đã ký Hợp đồng tín dụng số 0368/HĐTD2-VIB622/10 ngày 01 tháng 03 năm 2010 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND dưới hình thức vay tín chấp.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	15.455.555.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.256.962.428	842.948.824
Thuế thu nhập cá nhân	649.421.744	454.129.161
	<b>6.906.384.172</b>	<b>16.752.633.458</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trước 2007	1.827.523.211	4.855.099.071
Công trình San lấp mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	2.030.948.336	2.030.948.336
Công trình Kênh xả Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1	253.227.276	253.227.276
Công trình Kho trung chuyển Miền Trung Tây Nguyên	250.000.000	250.000.000
Công trình Trạm phân phối khí Hiệp Phước	-	2.063.151.195
Công trình Gói thầu Xây lắp 9	-	13.381.416.795
Công trình Xây dựng Nhà Điều hành Dinh Cố	-	414.449.300
Công trình dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	23.348.576.584	-
Công trình Cao ốc văn phòng số 43 Mạc Đĩnh Chi, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	11.904.038.601	-
San lấp mặt bằng 23ha khu Sao Mai Bến Đình	14.240.334.540	-
Nhà xưởng Cơ khí bảo dưỡng tại 46,7 ha PTSC	2.209.312.706	-
Chi phí sử dụng-thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	454.545.000	-
	<b>56.518.506.254</b>	<b>23.248.291.973</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	885.547.743	19.001.103
Tiền bán cổ phần đã nhận của cổ đông	126.113.861	23.958.485.335
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	54.526.805.011
Phải trả, phải nộp khác	1.810.683.592	111.980.745
	<b>2.822.345.196</b>	<b>78.616.272.194</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	2.528.846.471	52.528.846.471
Tăng trong kỳ	250.000.000.000	30.443.713.212	280.443.713.212
Nhận vốn góp từ các cổ đông	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	30.022.238.800	30.022.238.800
Tăng khác	-	421.474.412	421.474.412
Tại ngày 30/06/2010	<b>300.000.000.000</b>	<b>32.972.559.683</b>	<b>332.972.559.683</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến
	VND	%	ngày 30/06/2010 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51%	153.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản	30.000.000.000	10%	30.000.000.000
Ông Phạm Quy Nhơn	45.000.000.000	15%	45.000.000.000
Ông Mai Xuân Bình	72.000.000.000	24%	72.000.000.000
	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>300.000.000.000</b>

**18. DOANH THU**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	810.000.635.769
Doanh thu hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	719.916.274
	<b>810.720.552.043</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	747.291.630.178
Giá vốn hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	575.115.607
	<b>747.866.745.785</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi	3.958.995.334
	<b>3.958.995.334</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Chi phí lãi vay	4.916.432.289
	<u>4.916.432.289</u>

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.029.651.734
Trừ: Chi phí không chịu thuế TNDN hiện hành	-
Thu nhập chịu thuế	40.029.651.734
Thuế suất thông thường	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>10.007.412.934</u>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.022.238.800
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	22.403.315
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.340</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Kỳ hoạt động từ  
ngày 01/01/2010  
đến 30/06/2010  
**VND**

**Thi công các Công trình xây lắp**

Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	60.664.134.767
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	750.585.991
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	249.092.467.666
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	63.498.540.901
Tổng Công ty Khí Việt Nam	99.370.243.189
BQL DTXD-Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	59.507.475.471
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	109.829.048.148
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	31.182.473.266
PVC-BQLDA Nhà máy Điện Nhơn Trạch	34.185.839.300
Tổng Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	1.062.852.598
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	71.724.704.812
Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	5.454.545.455
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	19.155.349.238
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	906.179.091

**Cung cấp hàng hoá, dịch vụ**

Xí nghiệp Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)	8.715.000
---	-----------

**Mua hàng hóa dịch vụ**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.364.406.106
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	25.600.000
PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	108.925.149
PTSC - Công ty TNHH Khách Sạn Dầu khí	71.258.250
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí - CN Thành phố Hồ Chí Minh	51.387.364
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	1.420.522.683
Cung ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	62.305.431
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	604.494.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Dầu khí - PVE	290.909.091
Khách sạn VSP Đà Lạt	117.180.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.595.783.995	6.873.557.640
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.139.500.832	1.274.173.233
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	15.931.084.181	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	17.296.224
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	249.761.530	774.251.646
PVC-BQLDA nhà máy điện Nhơn Trạch	7.171.532.029	-
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	-	5.455.639.436
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	6.704.652.684	19.466.615.700
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	19.911.244.164	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.775.530.461	24.673.734.857
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	1.208.011.036	1.208.011.036
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	171.539.469	185.400.969
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	24.745.069.991	51.007.535.141
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng - Công ty Cổ phần Phân đạm & Hóa chất Dầu khí	304.034.906	6.111.413.273
Ban Quản lý khí Điện đạm Cà Mau	1.959.194.346	1.963.895.564
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	11.192.702.337	11.192.702.337
PTSC - Công ty Cơ khí Hàng hải	24.921.600	456.828.600
Ban quản lý Đầu tư xây dựng - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	3.252.865.147	563.300.552
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	20.166.324	130.353.933
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	28.094.700	17.725.763.200
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	499.333.333	-

T.C.T.  
Y  
HẠN  
E  
1  
HÀ NỘI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.667.990.453	5.024.131.799
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	13.888.456.523
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	320.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	502.592.151	2.346.206.279
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	2.135.301.026	2.135.301.026
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí - PTSC	65.965.960	284.613.639
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí - PTSC	69.952.575	12.729.465
Công ty Bảo hiểm Dầu Khí Vũng Tàu	4.934.600	4.632.100
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	682.207.858	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	77.850.848	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy khí Điện Nhơn Trạch 2	68.535.976	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	434.226.650	-
<b>Người mua ứng trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.509.267.355	1.509.267.355
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống-Bể chứa Dầu khí	-	1.296.033.836
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	35.298.967.209	63.655.200.536
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	88.705.742.355	82.492.088.321
Tổng Công ty khí Việt Nam	136.139.095.243	14.171.140.800
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	72.500.000.000	20.000.000.000
Ban Quản lý Khí điện đạm Cà Mau	995.115.549	886.682.076
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	6.073.002.068	6.073.002.068
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	4.863.840.800	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí	8.277.958.972	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	11.263.973.000	-
Tổng Công ty Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	10.101.289.970	-

**25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu bằng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán.